

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2019/HS - ST
Ngày: 11 - 10 - 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Phúc Ân, ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên toà: Bà Đào Thị Hậu – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 11/10/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 61/2019/TLST-HS ngày 03/6/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn M, sinh năm 1991 tại thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Khu dân cư M, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn G và bà Trần Thị H; có vợ là Bùi Thị Thùy L và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Đặng Việt C, sinh năm 1991 tại thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Số nhà 02, đường Nguyễn Văn Tr, khu dân cư H, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Đặng Công T và bà Trần Thị C; có vợ là Nguyễn Thị H và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phạm Đức L, sinh năm 1973

Địa chỉ: Khu dân cư N, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Văn Phát, sinh năm 1975

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Anh Phạm Xuân M, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương

- Chị Trần Thị T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Khu dân cư H, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Anh Lương Văn H, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Anh Đào Văn A, sinh năm 1981

Địa chỉ: Phòng 208, khu chung cư P, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Mạc Văn H, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu dân cư V, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Hải P, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu dân cư H, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Anh Vũ Văn H, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 18 đường N, khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu dân cư N, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Đều xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/2018, Hoàng Văn M nảy sinh ý định mở quán cầm đồ để cho người khác vay tiền lấy lãi nên đã thuê nhà số 23 đường H, khu dân cư T, phường Sao Đỏ, thành phố C của bà Trần Thị L để mở quán cầm đồ “Hùng Mạnh” kinh doanh dịch vụ cầm đồ, cho vay tín chấp trả góp. M thuê Đặng Việt C trực tiếp trông coi, quản lý và đứng tên trong giấy đăng ký kinh doanh, M trả lương cho C mỗi tháng từ 5 đến 7 triệu đồng. M và C thống nhất với nhau về cách thức cho những người có nhu cầu vay tiền như sau: Khi có khách đến hỏi vay tiền thì C kiểm tra giấy tờ tùy thân, xác định tên, tuổi, địa chỉ, nơi làm việc, nơi sinh sống, điều kiện kinh tế và khả năng trả nợ sau đó C điện thoại cho M,

nếu M đồng ý kho khách hàng vay tiền thì C sẽ yêu cầu khách hàng viết giấy vay tiền theo mẫu in sẵn của quán thống nhất ngày vay và số tiền vay với khách. Nội dung trên giấy vay tiền chỉ thể hiện số tiền gốc mà khách hàng vay, không thể hiện số tiền lãi. Khi khách hàng đến vay tiền, M yêu cầu C ghi chép lại vào “Sổ thu hộ”. Sổ này do M lập để theo dõi, mức lãi suất cho vay từ 271,79% đến 336,12%/năm, sau đó, tính tổng lãi của khoản tiền vay khách phải trả rồi chia đều cho số ngày vay (40 ngày) thì ra số tiền lãi và gốc khách phải trả mỗi ngày. M là người đưa tiền cho C để cho khách hàng vay, số tiền gốc và lãi thu được của khách hàng C sẽ chuyển lại cho M. Trong thời gian từ tháng 3/2018 đến tháng 8/2018, quán cầm đồ “Hùng Mạnh” đã cho 13 khách hàng vay tiền với 42 lần vay, tổng số tiền gốc cho vay là 375.000.000 đồng, tổng số tiền lãi thu được là 73.400.000 đồng, trong đó, 02 trường hợp vay với mức lãi suất 271,79%/năm, 40 trường hợp vay với mức lãi suất 336,12%/năm. Cụ thể như sau:

1. Anh Phạm Đức L, trú tại khu dân cư N, phường S, thành phố C vay 04 lần với lãi suất 336,12%/năm, trong đó:

- Ngày 08/3/2018, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền gốc và lãi là 150.000 đồng, tổng số tiền lãi phải trả cho khoản vay là 1.000.000 đồng.

- Ngày 14/4/2018, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền gốc và lãi là 150.000 đồng, tổng số tiền lãi phải trả cho khoản vay là 1.000.000 đồng.

- Ngày 27/4/2018, vay số tiền 7.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền gốc và lãi là 210.000 đồng, tổng số tiền lãi phải trả cho khoản vay là 1.400.000 đồng.

- Ngày 07/6/2018, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền gốc và lãi là 150.000 đồng, tổng số tiền lãi phải trả cho khoản vay là 1.000.000 đồng.

Tổng số tiền anh L đã vay là 22.000.000 đồng, tổng số tiền lãi anh L phải trả là 4.400.000 đồng. Anh L đã trả hết số tiền gốc và lãi đã vay.

2. Anh Nguyễn Văn P trú tại khu dân cư T, phường S, thành phố C vay 05 lần trong các ngày 09/3/2018, 08/4/2018, 05/5/2018, 06/6/2018 và 29/6/2018, mỗi lần vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền gốc và lãi là 300.000 đồng, lãi suất 336,12%/năm. Tổng số tiền anh P đã vay là 50.000.000 đồng, tổng số tiền lãi anh P phải trả cho các khoản vay là 10.000.000 đồng. Anh P đã trả hết số tiền gốc và lãi đã vay.

3. Anh Phạm Xuân M trú tại khu dân cư C, phường C, thành phố C vay 02 lần, lãi suất 336,12%/năm, trong đó:

- Ngày 09/3/2018, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền gốc và lãi là 150.000 đồng, tổng số tiền lãi phải trả cho khoản vay là 1.000.000 đồng.

- Ngày 19/4/2018, vay số tiền 6.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, mỗi ngày

phải trả số tiền gốc và lãi là 180.000 đồng, tổng số tiền lãi phải trả cho khoản vay là 1.200.000 đồng.

Tổng số tiền anh M đã vay là 11.000.000 đồng, tổng số tiền lãi anh M phải trả cho khoản vay là 2.200.000 đồng. Anh M đã trả hết số tiền gốc và lãi đã vay.

4. Chị Trần Thị T trú tại khu dân cư H, phường S, thành phố C vay 04 lần, trong đó 02 lần lãi suất 271,79%, cụ thể ngày 17/3/2018 và ngày 11/4/2018 mỗi lần vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền gốc và lãi là 580.000 đồng, tổng số tiền lãi phải trả cho mỗi khoản vay là 3.200.000 đồng.

- Ngày 27/5/2018, vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền gốc và lãi là 300.000 đồng, lãi suất 336,12%/năm. Tổng số tiền lãi phải trả cho khoản vay là 2.000.000 đồng.

- Ngày 30/6/2018, vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền gốc và lãi là 450.000 đồng, lãi suất 336,12%/năm. Tổng số tiền lãi phải trả cho khoản vay là 3.000.000 đồng.

Tổng số tiền chị T đã vay là 65.000.000 đồng, tổng số tiền lãi chị T phải trả là 11.400.000 đồng. Chị T đã trả hết số tiền gốc và lãi đã vay.

5. Anh Lương Văn H trú tại khu dân cư T, phường S, thành phố C vay 03 lần trong các ngày 19/3/2018, 18/4/2018 và 11/5/2018, mỗi lần vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền gốc và lãi là 150.000 đồng, lãi suất 336,12%/năm. Tổng số tiền anh H đã vay là 15.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi anh H phải trả là 3.000.000 đồng. Anh H đã trả hết số tiền gốc và lãi đã vay.

6. Anh Hoàng Văn H trú tại khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương vay 04 lần, lãi suất 336,12%/năm, trong đó:

- Ngày 29/3/2018 vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền gốc và lãi là 450.000 đồng. Tổng số tiền lãi phải trả cho khoản vay là 3.000.000 đồng.

- Trong các ngày 25/4/2018, 01/6/2018 và 01/7/2018 anh H vay thêm 03 lần, mỗi lần vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền gốc và lãi là 300.000 đồng.

Tổng số tiền anh H đã vay là 45.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi anh H phải trả cho khoản vay là 9.000.000 đồng. Anh đã trả hết số tiền gốc và tiền lãi đã vay.

7. Chị Nguyễn Thị T trú tại khu dân cư T, phường S, thành phố C vay 01 lần vào ngày 29/3/2018 với số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền 150.000 đồng, lãi suất 336,12%/năm. Số tiền lãi phải trả cho khoản vay là 1.000.000 đồng. Chị Ty đã trả hết tiền gốc và tiền lãi đã vay.

8. Anh Đào Văn A trú tại khu trung cư P, huyện M, tỉnh Hưng Yên vay 03 lần trong các ngày 02/4/2018, 29/4/2018 và 18/5/2018, mỗi lần vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền gốc và lãi là 300.000 đồng, lãi suất 226,12%/năm. Tổng số tiền anh A đã vay là 30.000.000 đồng, tổng số tiền lãi anh An phải trả là 6.000.000 đồng. Anh A đã trả hết tiền gốc và tiền lãi đã vay.

9. Anh Mạc Văn H trú tại khu dân cư V, phường C, thành phố C vay 03 lần trong các ngày 02/4/2018, 22/5/2018 và 03/7/2018, mỗi lần vay số tiền 15.000.000 đồng, mỗi ngày phải trả số tiền gốc và lãi là 450.000 đồng, tương ứng với lãi suất 336,12%/năm. Tổng số tiền anh H đã vay là 45.000.000 đồng, tổng số tiền lãi anh H phải trả là 9.000.000 đồng. Anh H đã trả hết tiền gốc và tiền lãi đã vay.

10. Anh Nguyễn Hải P trú tại khu dân cư H, phường S, thành phố C vay 04 lần trong các ngày 03/4/2018, 03/5/2018, 29/5/2018 và 29/6/2018, mỗi lần vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền gốc và lãi là 150.000 đồng, tương ứng với lãi suất 336,12%/năm. Tổng số tiền anh P đã vay là 20.000.000 đồng, tổng số tiền lãi anh P phải trả là 4.000.000 đồng. Anh P đã trả hết tiền gốc và tiền lãi đã vay.

11. Anh Vũ Văn H trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên vay 03 lần, với lãi suất 336,12%/năm, trong đó:

- Ngày 07/4/2018, vay số tiền 2.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền gốc và lãi là 60.000 đồng.

- Ngày 09/5/2018, vay số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền gốc và lãi là 90.000 đồng.

- Ngày 18/6/2018, vay số tiền 2.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền gốc và lãi là 60.000 đồng.

Tổng số tiền anh H đã vay là 7.000.000 đồng, tổng số tiền lãi anh H phải trả cho các khoản vay là 1.400.000 đồng. Anh H đã trả hết tiền gốc và tiền lãi đã vay.

12. Anh Nguyễn Văn H cư trú tại số 18 đường N, phường S, thành phố C vay 03 lần trong các ngày 06/4/2018, 14/5/2018 và 30/6/2018, mỗi lần vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền gốc và lãi là 150.000 đồng, tương ứng với lãi suất 336,12%/năm. Tổng số tiền anh H đã vay là 15.000.000 đồng, tổng số tiền lãi anh H phải trả là 3.000.000 đồng. Anh H đã trả hết tiền gốc và tiền lãi đã vay.

13. Anh Nguyễn Bá T cư trú tại khu dân cư N, phường S, thành phố C vay 03 lần trong các ngày 08/5/2018, 30/5/2018 và 26/5/2018, mỗi lần vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, mỗi ngày phải trả số tiền gốc và lãi là 450.000 đồng, tương ứng với lãi suất 336,12%/năm. Tổng số tiền anh T đã vay là 45.000.000 đồng, tổng số tiền lãi anh T phải trả là 9.000.000 đồng. Anh T đã trả hết tiền gốc và tiền lãi đã vay.

Ngày 02/12/2018, Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Hải Dương đã kiểm tra quán cầm đồ “Hùng Mạnh”, Đặng Việt C đã tự nguyện giao nộp quyển “Sổ thu họ” do C tự viết ra thể hiện số tiền cho vay và số tiền khách hàng đã trả nợ từ thời điểm tháng 3/2018 đến tháng 8/2018.

Tại bản kết luận giám định số 28/KLGD ngày 22/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Trên sổ thu họ trừ phần chữ viết có nội dung “Hải Dương ngày 02/12/2018” và chữ ký đứng tên Hoàng Văn M, các phần chữ

viết, chữ ký còn lại với chữ viết, chữ ký đứng tên Đặng Việt C trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

Tại Cáo trạng số 60/CT - VKS - CL ngày 29/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn M và Đặng Việt C về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên, thừa nhận việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh đối với mình là đúng và đều xin giảm nhẹ hình phạt. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà bổ sung nội dung bản cáo trạng về việc truy tố các bị cáo với số tiền thu lợi bất chính là 69.172.673 đồng, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn M và Đặng Việt C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn M từ 17 đến 19 tháng cải tạo không giam giữ. Xử phạt bị cáo Đặng Việt C từ 13 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ từ 5% đến 7% thu thập hàng tháng của các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước. Giao bị cáo Hoàng Văn M cho UBND phường C; giao bị cáo Đặng Việt C cho UBND phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ; về hình phạt bổ sung: Cấm các bị cáo thực hiện các hoạt động cho vay tài sản trong thời gian cải tạo không giam giữ kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Truy thu của bị cáo Hoàng Văn M số tiền 448.400.000 đồng sung quỹ Nhà nước; về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Hoàng Văn M và Đặng Việt C mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên; Cơ quan điều tra Công an thành phố Chí Linh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của những người có quyền, nghĩa vụ liên quan, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2018, tại

quán cầm đồ “Hùng Mạnh” ở số 23, đường H, khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương do Hoàng Văn M làm chủ, Đặng Việt C là người được M thuê trông coi, quản lý. M đã khởi xướng, thống nhất, cung cấp tiền để C trực tiếp cho 13 người vay tiền với 42 lượt vay, tổng số tiền gốc cho vay là 375.000.000 đồng, với mức lãi suất cho vay từ 271,79% đến 336,12%/năm, gấp từ 13 đến 16 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi tổng số tiền lãi là 73.400.000 đồng, trong đó tổng số tiền lãi vượt quá 20%/năm của các khoản vay thu được là 69.172.673 đồng.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ đã được pháp luật hình sự bảo vệ. Các bị cáo đều là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện vì mục đích tư lợi. Tổng số tiền lãi vượt quá 20%/năm của các khoản vay mà các bị cáo thu được là 69.172.673 đồng. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Đây là vụ án đồng phạm. Bị cáo Hoàng Văn M là chủ quán cầm đồ “Hùng Mạnh”, là người khởi xướng việc cho vay tài sản, là người bỏ tiền ra cho vay và chịu trách nhiệm về việc thu, chi, hưởng lợi từ việc cho vay nên là người giữ vai trò chính. Bị cáo Đặng Việt C là đồng phạm giữ vai trò thực hành.

[5] Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Các bị cáo đều là những người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai nhận tội; đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt cao nhất được quy định trong khung hình phạt là cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập hàng tháng của các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước và cấm các bị cáo thực hiện các hoạt động cho vay tài sản trong một thời gian nhất định theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự mới đảm bảo mục đích trừng trị, giáo dục và răn đe phòng ngừa chung.

[8] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Đối với số tiền gốc 375.000.000 đồng, là tiền của bị cáo M dùng để cho 13 người vay, đây là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, các khoản vay đã được thanh toán xong nên cần truy thu của bị cáo M số tiền này để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền các bị cáo thu lời bất chính của 13 người vay tiền là 69.172.673 đồng vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Số tiền này cần buộc bị cáo M phải trả lại cho 13 người vay tiền, nhưng cả 13 người vay tiền đều không yêu cầu được nhận lại nên cần truy thu của bị cáo M số tiền này để nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền lãi 4.227.327 đồng các bị cáo thu của 13 người vay, tuy không vượt quá 20%/năm của các khoản vay theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nhưng đây là khoản tiền phát sinh từ việc phạm tội nên cần truy thu của bị cáo M để nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 02 chiếc điện thoại di động của bị cáo M và bị cáo C dùng để liên lạc cho nhau và liên lạc với những người vay tiền, các bị cáo đã làm mất, quá trình điều tra không thu giữ được nên không đặt ra xử lý.

[9] Trong “Sổ thu hộ” có nội dung ghi tên bà Đào Thị Thúy H vay số tiền 10.000.000 đồng, đã trả lãi 2.000.000 đồng. Quá trình điều tra không xác định được bà H đang ở đâu. Khoản vay này Cơ quan điều tra tiến xác minh, làm rõ, xử lý sau nên không xem xét trong vụ án này.

[10] Về án phí: Các bị cáo có tội nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn M và Đặng Việt C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn M 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Đặng Việt C 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước.

Giao Hoàng Văn M cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục.

Giao bị cáo Đặng Việt C cho Ủy ban nhân dân phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự. Cấm bị cáo

Hoàng Văn M thực hiện các hoạt động cho vay tài sản trong thời hạn 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Cáo bị cáo Đặng Việt C thực hiện các hoạt động cho vay tài sản trong thời hạn 15 (Mười lăm) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Truy thu của bị cáo Hoàng Văn M số tiền 448.400.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Hoàng Văn M và Đặng Việt C mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Chí Linh;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Công an TP. Chí Linh;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Lâm